

LÝ THUYẾT BẢN SẮC XÃ HỘI VỀ ĐÁM ĐÔNG, HÀNH ĐỘNG TẬP THỂ: NỘI DUNG CƠ BẢN VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này là một phần kết quả của đề tài khoa học công nghệ cấp Nhà nước năm 2019 - 2020: *Vấn đề hiệu ứng đám đông trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Mã số KX.01.47/16-20; Viện Chính sách và Quản lý chủ trì; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Dũng làm chủ nhiệm.

Nguyễn Văn Lượ

Trịnh Thị Linh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Huy Hoàng

TÓM TẮT

Nghiên cứu về đám đông trong lĩnh vực tâm lý học ở Việt Nam đã được thực hiện nhưng chủ yếu xem xét từ hướng tiếp cận đám đông gây rối với đặc điểm mất kiểm soát về nhận thức, cảm xúc tức giận và hành động bột phát, manh động. Hướng tiếp cận nghiên cứu đám đông/hành động tập thể như những tập hợp người có ý thức, có tính tổ chức còn thiếu vắng. Bài viết này trình bày lý thuyết bản sắc xã hội về đám đông/hành động tập thể do Van Zomeren, Postmes và Spears (2008) đề xuất gồm 3 khía cạnh: sự bất công, sự hiệu quả và bản sắc xã hội. Ngoài ra, bài viết cũng đề cập đến các phương pháp nghiên cứu chủ đạo trong việc tìm hiểu đám đông dựa trên nền tảng lý thuyết này gồm: các nghiên cứu phân tích sự kiện và điển dã dân tộc học, các nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi tự báo cáo và các nghiên cứu thực nghiệm.

Từ khóa: *Hành vi đám đông; Hành động tập thể; Bản sắc xã hội; Phương pháp nghiên cứu.*

Ngày nhận bài: 26/7/2019; Ngày duyệt đăng bài: 25/12/2019.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, những vấn đề liên quan tới đám đông đã được nghiên cứu ở các mức độ khác nhau như làm rõ khái niệm tâm lý đám đông, phân biệt tâm

lý đám đông và ý thức dân tộc, các cơ chế tâm lý diễn ra trong đám đông (Đỗ Long 2004a, 2004b); những đặc điểm của đám đông gây rối an ninh trật tự (Vũ Trung Quý, 2003, 2007, 2010) hoặc cách thức đấu tranh phòng ngừa với tội phạm gây rối trật tự (Vũ Thế Công, 2013). Tuy nhiên, có thể nhận thấy, các nghiên cứu về đám đông ở Việt Nam thường xem xét đám đông như một tập hợp người mất nhận thức, cảm xúc tức giận và hành động mù quáng. Sự phát triển của nền kinh tế tri thức một mặt đã mang đến những chuyển biến vô cùng mạnh mẽ trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân, nhưng mặt khác, nó cũng đem lại những khó khăn nhất định cho các nhà quản lý và hoạch định chính sách. Trong thời gian vừa qua, sự xuất hiện của các đám đông ở Việt Nam trở nên phổ biến, đa dạng và phức tạp, gây những hậu quả rất nặng nề, điển hình như vụ biểu tình gây rối ở thị xã Phan Rí, Bình Thuận (tháng 6/2018) hay vụ biểu tình phản đối xả thải tại nhà máy Formosa, Hà Tĩnh (năm 2016) v.v. Các đám đông tồn tại trên cả bình diện kinh tế, chính trị và xã hội, không chỉ trên thực địa mà còn cả ở môi trường mạng (online) đòi hỏi cần có sự tham gia nghiên cứu của các ngành khoa học khác nhau nhằm hướng đến nâng cao khả năng kiểm soát và quản lý các đám đông một cách có hiệu quả hơn, góp phần ổn định chính trị, xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước.

Trên thế giới, các nghiên cứu về đám đông/tập thể cũng như hành vi của cá nhân đã thu hút được sự quan tâm của cộng đồng học thuật từ cuối thế kỷ XIX - thời kỳ xảy ra nhiều cuộc biểu tình, đình công của những người nhân công (Reicher, 1984b, 2000). Điển hình trong thời kỳ này là các nghiên cứu của Le Bon (1895) với giả định rằng cá nhân thường bị đánh mất bản sắc của mình khi tham gia vào đám đông hay nghiên cứu của McDougall (1920) với việc mô tả đám đông như là có tính cảm xúc, bốc đồng, thô lỗ, vô trách nhiệm và dễ dàng bị thao túng. Gần đây, trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu đi trước, Dolata và Schrape (2016) đã phân loại các tập thể xã hội (social collectives) thành hai loại cơ bản là các tập thể không có tổ chức (ví dụ, quần chúng, đám đông, bầy đàn) và tập thể có tổ chức (ví dụ, phong trào, cộng đồng). Bảng 1 sẽ tóm tắt các đặc điểm của hai loại tập thể này.

Có thể thấy, các tập thể không có tổ chức đơn thuần là sự tập hợp của những cá nhân với những quyết định và hành vi tương đối giống nhau. Như tên gọi, những tập thể này không được thành lập từ trước nên không có kim chỉ nam cho hành động chung. Tuy nhiên, họ lại chia sẻ cùng một cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề, bởi vậy hành vi tập thể mà những nhóm này thực hiện thường có xu hướng tự phát và bất ổn (Dolata và Schrape, 2016). Ngược lại, tập thể có tổ chức thường dựa trên những luật lệ thành văn và bất thành văn. Ở đó, các thành viên trong tập thể có ý thức về một cảm giác được thuộc về nên họ thường tập hợp và hình thành một đơn vị tổ chức thống nhất. Khác với các

tổ chức chính thức, tính thành viên của một cộng đồng hay một phong trào xã hội đạt được thông qua việc thực hành, quyết định nhất định mà không cần đến những khung pháp lý đi kèm cũng như những tập thể có tổ chức này thường không có một hệ thống thứ bậc nhất định (Dobusch và Quack, 2011 - dẫn theo Dolata và Schrape, 2016).

Bảng 1: Phân loại tập thể xã hội

	Tập thể không có tổ chức	Tập thể có tổ chức
Nguồn lực hành động	Sự tụ tập có tính hướng của các nguồn lực cá nhân	Nguồn lực tập thể phụ thuộc vào đóng góp của các thành viên
Phương thức ra quyết định	Không có khả năng ra quyết định tập thể	Các quyết định chiến lược phụ thuộc vào điều mà các thành viên ưu tiên
Khả năng hành động	Không có khả năng đưa ra các hành động chiến lược có chủ ý một cách độc lập	Có khả năng đưa ra các hành động chiến lược có chủ ý
Mô thức hành động	Hành vi tập thể là tập hợp của các hành động cá nhân	Hành động tập thể dựa trên nền tảng của sự thỏa hiệp, đồng lòng và biểu quyết

(Theo Dolata và Schrape, 2016).

Các nghiên cứu tâm lý học thường quan tâm nghiên cứu một cách độc lập hành vi của hai loại tập thể này do những tính chất khác biệt của từng tập thể xã hội. Trong đó, nghiên cứu về hành vi của các tập thể không có tổ chức được gọi là các nghiên cứu hành vi đám đông (crowd behavior); nghiên cứu về hành vi của các tập thể có tổ chức được gọi là nghiên cứu hành động tập thể (collective action).

Để lý giải các hiện tượng đám đông trong xã hội hiện nay cần phải hiểu được các lý thuyết trước đó đã được đề ra liên quan tới cả hành vi đám đông lẫn hành động tập thể. Trong những lý thuyết hiện đại về đám đông, lý thuyết bản sắc xã hội được cả những học giả về hành vi đám đông lẫn hành động tập thể quan tâm nghiên cứu và áp dụng vào việc lý giải đám đông. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả tổng hợp lại các quan điểm lý thuyết về bản sắc xã hội trong nghiên cứu về hành vi đám đông và hành động tập thể cũng như các phương pháp tiếp cận nghiên cứu đám đông/hành động tập thể dựa trên nền tảng lý thuyết này.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích tài liệu. Để thực hiện nhiệm vụ trên, ban đầu, nhóm nghiên cứu tìm kiếm các công bố khoa học trên một số cơ sở dữ liệu (bao gồm PsychINFO và GoogleScholar) có liên quan tới đám đông sử dụng kết hợp một số từ khóa bằng tiếng Anh như là: “crowd behavior” (hành vi đám đông), “collective action” (hành động tập thể), “social identity” (bản sắc xã hội), “protest” (biểu tình), “methods/methodology” (phương pháp nghiên cứu/phương pháp luận) và “review, meta-analysis” (tổng quan/siêu phân tích). Bên cạnh đó, các nghiên cứu về “đám đông”, “đám đông gây rối” được xuất bản bằng tiếng Việt của các tác giả trong nước (Đỗ Long, 2004; Vũ Trung Quý, 2010; Vũ Thế Công, 2013) cũng được nhóm tìm hiểu từ các nguồn tạp chí, sách chuyên khảo.

Kết quả tìm kiếm là có tổng số 33 tài liệu được lựa chọn đưa vào phục vụ phân tích tổng quan trong nghiên cứu này. Cụ thể là, có 6 tài liệu tiếng Việt, xuất bản từ năm 2003 đến 2013, có 27 tài liệu tiếng Anh được xuất bản từ năm 1920 đến 2016. Các tài liệu đều được xuất bản trên sách (có chỉ số ISBN) hoặc tạp chí khoa học (có chỉ số ISSN).

3. Lý thuyết về bản sắc xã hội trong nghiên cứu về hành vi đám đông và hành động tập thể

Trong khi những học thuyết cổ điển thường xem xét hành vi đám đông là hệ quả của việc đánh mất hay hòa lẫn bản sắc cá nhân thì tiếp cận về bản sắc xã hội lại xem xét hành vi đám đông là những hành vi được thực hiện bởi các cá nhân tự nhìn nhận mình như là thành viên của đám đông (hay nhóm mà đám đông đại diện) dựa trên sự chia sẻ những hiểu biết và ý nghĩa chung về đám đông đó. Theo lý thuyết tự phân loại (self-categorisation theory) (Turner, 1985; Turner, Hogg, Oakes, Reicher và Wetherell, 1987) thì việc xem xét bản thân thuộc về một nhóm hay một tầng lớp xã hội nào đó là điều kiện tiên quyết của hành vi nhóm. Sự đồng nhất của cá nhân với nhóm thường gắn liền với quá trình hình thành khuôn mẫu ở cá nhân - quá trình cá nhân tìm kiếm những giá trị phù hợp với niềm tin và chuẩn mực nhóm.

Lý thuyết bản sắc xã hội (Tajfel, 1974, 1978; Turner, 1985) cho rằng, có hai nhóm bản sắc chính cùng tồn tại và đôi khi loại trừ nhau, là bản sắc cá nhân (là những thuộc tính đặc trưng của cá nhân; tập trung vào sự khác biệt giữa cá nhân và những người xung quanh) và bản sắc xã hội (là hiểu biết của cá nhân như là thành viên của một nhóm xã hội đi kèm với những cảm xúc khi là thành viên của nhóm xã hội đó; tập trung vào sự khác biệt giữa nhóm của cá nhân và những nhóm khác). Tương ứng với cấp độ bản sắc là những ý nghĩa và mục

đích cụ thể có khả năng dẫn dắt hành vi của cá nhân. Nghiên cứu về thái độ của nhóm sinh viên ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội với việc giải phẫu động vật sống và ý định thực hiện hành vi thể hiện sự ủng hộ hay phản đối việc giải phẫu động vật sống khi ở trong một nhóm (Reicher, 1984a), đề ra kết luận rằng cá nhân ở trong nhóm có xu hướng chấp nhận những chuẩn mực của nhóm mình và sự kích hoạt bản sắc xã hội là yếu tố quyết định tới mối quan hệ này.

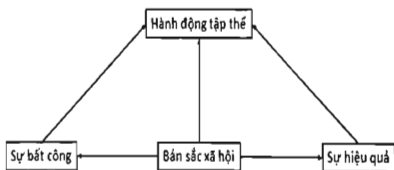
Sau này, Reicher (1996) và Stott và Drury (2000) đã đề ra Mô hình Bản sắc xã hội Cải tiến (Elaborated Social Identity Model). Mô hình này chỉ ra rằng, sự chia sẻ cùng một bản sắc xã hội vạch ra những chuẩn mực cho hành vi của đám đông và những người tham gia đám đông. Sử dụng mô hình này để phân tích về sự phát triển từ sự tụ tập đám đông (như là biểu tình) cho tới sự xung đột đám đông (như là bạo loạn), Drury và Reicher (2009) chỉ ra rằng, sự không cân xứng về mặt phân loại và tương quan nội lực là nguồn gốc của sự phát triển. Trong đó, liên quan tới khía cạnh phân loại, cá nhân nhìn nhận mình là những người biểu tình hợp pháp và hòa bình lại được phía cảnh sát nhìn nhận như là những mầm mống của bạo lực; ngược lại, phía cảnh sát nhìn nhận mình là những người bảo vệ trật tự xã hội có trách nhiệm lại được phía đám đông nhìn nhận là tàn ác và độc tài. Liên quan tới tương quan nội lực, phía cảnh sát luôn là những người được trang bị đầy đủ và có tổ chức và được cho là có thể áp đặt ý muốn của mình lên phía đám đông (La Macchia và Louis, 2016).

Dưới góc độ của tâm lý học xã hội thì bên cạnh việc lý giải hành vi đám đông, lý thuyết bản sắc xã hội cũng như mô hình bản sắc xã hội được thiết lập hay học thuyết tự phân loại bản thân đều có vai trò quan trọng trong việc lý giải hành động tập thể, được hiểu như là bất kỳ một hành động phối kết hợp nào được thực thi bởi một hay nhiều nhóm người (Louis và cộng sự, 2016). Khi nghiên cứu hành động tập thể dưới góc độ tâm lý học xã hội, Louis (2009) xem xét hành động tập thể là những hành động được cá nhân thực hiện nhân danh nhóm hay với tư cách là thành viên trong nhóm. Trong đó, hành động tập thể điển hình được nghiên cứu nhiều nhất là hành vi chính trị được thực hiện nhằm tác động tới quyền lực, địa vị hay bản sắc của nhóm.

Bên cạnh đó, trên cơ sở mô hình huy động nguồn lực, Klandermans (1984) đã chỉ ra yếu tố nhận thức về chi phí và lợi ích của hành động đối với nhóm mà cá nhân tham gia có khả năng dự đoán sự tham gia vào hành động tập thể của cá nhân. Ngoài ra, một số yếu tố tâm lý - xã hội như là tương tác liên cá nhân, sự thuyết phục hay ảnh hưởng của trải nghiệm quá khứ và mạng lưới xã hội cũng có khả năng ảnh hưởng tới việc cá nhân tham gia vào một hành động tập thể. Từ những nền tảng lý thuyết trên kết hợp với những nghiên cứu trước đó,

Simon và Klandermans (2001) cho rằng, nền tảng của hành động tập thể được xây dựng dựa trên ba yếu tố là: bản sắc tập thể, sự đấu tranh cho quyền lực và bối cảnh xã hội. Hơn thế nữa, mô hình này cũng thêm vào hai động lực hành động tập thể là hành động như một lựa chọn lý trí phục vụ một mục đích cụ thể và hành động dựa trên bản sắc cá nhân mang tính bộc lộ cảm xúc như là yếu tố có ảnh hưởng tới hành động tập thể.

Từ những mô hình lý thuyết nêu trên, mô hình thống nhất về bản sắc xã hội của hành động tập thể (Integrative social identity model of collective action - SIMCA), Van Zomeren, Postmes và Spears (2008) đã tổng hợp và chỉ ra ba yếu tố có thể dự đoán hành động tập thể là: (1) sự bất công, (2) sự hiệu quả và (3) bản sắc. Trong đó, yếu tố cảm xúc có vai trò quan trọng đối với hành động tập thể mà ở đó sự tức giận đối với những bất công có khả năng dự đoán hành động tập thể cao hơn so với những bất công không đi kèm với cảm giác tức giận. Dựa trên những nhận định của Simon và Klandermans (2001) về vai trò của bản sắc, SIMCA đã chỉ ra rằng một bản sắc nhóm được chính trị hóa có khả năng dự đoán hành động tập thể. Xem xét mô hình bản sắc xã hội ở một khía cạnh khác, mô hình về bản sắc xã hội của hành động tập thể (Encapsulated model of social identity in collective action-EMSICA; Thomas và cộng sự, 2009) đề ra rằng bản sắc xã hội là sản phẩm hay được hình thành từ sự bất công và sự hiệu quả dưới dạng chuẩn mực nhóm hay những cảm giác tội lỗi về mặt đạo đức gián tiếp ảnh hưởng tới mối quan hệ nhân quả giữa cảm xúc nhóm và sự tự hiệu quả tới hành động tập thể.



Mô hình 1: Mô hình thống nhất về bản sắc xã hội của hành động tập thể
(Theo Van Zomeren, Postmes và Spears, 2008).

Những mô hình sau này về hành động tập thể tập trung lý giải tác động của việc tham gia vào một hành động tập thể. Chẳng hạn, sự tham gia vào hành động tập thể có thể làm gia tăng cảm xúc tức giận với nhóm ngoài cá nhân và

cảm xúc này làm gia tăng việc cá nhân sẽ tham gia vào một hành động tập thể trong tương lai (Becker và cộng sự, 2011). Một hướng nghiên cứu khác tập trung vào vai trò của đạo đức (Van Zomeren, Leach và Spears, 2012; Zaal, Van Laar, Ståhl, Ellemers và Derks, 2011 - dẫn theo La Macchia và Louis, 2016) chỉ ra rằng, trong thời đại của các phong trào hoạt động xã hội cũng như là các hoạt động khủng bố, con người có xu hướng nhận thức rõ hơn về các vấn đề đạo đức (Thomas và Louis, 2014; Zaal và cộng sự, 2011 - dẫn theo La Macchia và Louis, 2016).

Trong khi các nghiên cứu về hành vi đám đông thường tập trung vào những hành vi nhất định trong một sự kiện cụ thể xảy ra trong khoảng một thời gian ngắn (Reicher, 1984b, 1996; Stott và Drury, 2000) thì các nghiên cứu về hành động tập thể lại tập trung vào những chiến dịch/phong trào xã hội tồn tại trong một khoảng thời gian dài (Klandermans, 1984; McCarthy và Zald, 1977; Thomas và cộng sự, 2009; Van Zomeren và cộng sự, 2008). Cụ thể, hành vi đám đông đi sâu vào phân tích các quá trình liên nhóm và sự thay đổi của bản sắc xã hội tác động tới sự hình thành hành vi đám đông trong thời gian thực với sự nhấn mạnh vào tính tạm thời và tính tình huống của sự kiện (La Macchia và Louis, 2016). Ngược lại, hành động tập thể quan tâm tới những yếu tố mang tính ổn định như là thái độ, lập trường đạo đức hay bản sắc xã hội của cá nhân có khả năng dự đoán sự tham gia của cá nhân vào các hành động tập thể như thế nào (La Macchia và Louis, 2016). Tóm lại, các nghiên cứu về hành động tập thể quan tâm tới việc dự báo ý định thực hiện hành động trong tương lai, còn các nghiên cứu về hành vi đám đông thường đánh giá và lý giải sự kiện đã xảy ra trong quá khứ.

Có thể thấy rằng, các nghiên cứu về hành vi đám đông và hoạt động tập thể đều tập trung vào sự tham gia các hoạt động chính trị - xã hội như là điều hành, biểu tình, bạo loạn (La Macchia và Louis, 2016). Các nghiên cứu gần đây thường xem xét bản sắc xã hội như là cầu nối giữa yếu tố thành viên nhóm với các mục đích và động cơ chính trị hay là giữa động lực và hành vi (Reicher, 1984a). Sự đồng nhất xã hội cũng được nhận định là góp phần làm củng cố việc cá nhân tham gia vào các hoạt động này theo thời gian thông qua việc củng cố sự đồng nhất với nhóm một cách liên tục và từ đó có thể dự đoán được xu hướng tham gia vào các hoạt động này trong tương lai của cá nhân (Becker và cộng sự, 2011; Blackwood và Louis, 2012; Stott và Drury, 2000; Thomas và cộng sự, 2009).

Như vậy, có thể thấy vai trò cầu nối liên kết hành động tập thể và hành vi đám đông của học thuyết bản sắc xã hội trong việc lý giải và dự đoán hai loại hành vi này. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hành vi đám đông có thể

góp phần dự báo hành động tập thể (Reicher, 1996; Stott và Drury, 2000) và ngược lại, hành động tập thể có thể đưa ra những lý giải cho hành vi đám đông (Becker và cộng sự, 2011; Klandermans, 1984; Thomas và cộng sự, 2009). Bởi vậy, nếu chỉ sử dụng một loại phương pháp nghiên cứu đặc thù cho từng loại hành vi sẽ mắc phải nhiều hạn chế trong việc lý giải các hành vi đám đông trong quá khứ cũng như dự đoán các hành động tập thể có thể xảy ra trong tương lai. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tổng hợp một số phương pháp đã được sử dụng để đo lường hành vi đám đông và hành động tập thể góp phần vào việc triển khai một cách toàn diện các nghiên cứu về đám đông trong tương lai tại Việt Nam.

4. Các phương pháp nghiên cứu đám đông, hành động tập thể

Từ các tài liệu thứ cấp được phân tích, đánh giá ở trên, đặc biệt là bốn bài báo liên quan trực tiếp tới lý thuyết bản sắc xã hội về hành vi đám đông và hành động tập thể (Van Zomeren, Postmes và Spears, 2008; Thomas, McGarty và Mavor, 2009; Louis và cộng sự, 2016; La Macchia và Louis, 2016), nhóm nghiên cứu phân loại và chia phương pháp nghiên cứu hành vi đám đông và hành động tập thể áp dụng lý thuyết bản sắc xã hội thành ba nhóm chính: (1) Các nghiên cứu phân tích sự kiện và điển dã dân tộc học; (2) Các nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi tự báo cáo và (3) Các nghiên cứu thực nghiệm.

4.1. Phương pháp phân tích sự kiện và điển dã dân tộc học

Nghiên cứu điển dã dân tộc học được xem như là phương thức nghiên cứu quan sát các sự kiện có đám đông lý tưởng bởi tính dễ thích nghi với những thay đổi của đối tượng nghiên cứu cũng như là khả năng thu thập một lượng thông tin đa dạng (Burgess, 1982; Green, 1993; Hammersley và Atkinson, 1983; Whyte, 1984 - dẫn theo Stott và Drury, 2000) bao gồm băng ghi âm, tài liệu và các cuộc phỏng vấn trước và sau sự kiện. Stott và Drury (2000) đã chỉ ra ba tiêu chuẩn lựa chọn một sự kiện đám đông để nghiên cứu về các quá trình phân loại xã hội: (1) nhà nghiên cứu có thể tham gia sự kiện với tư cách là một thành viên của đám đông để có thể thu thập một lượng lớn dữ liệu; (2) sự kiện phải có một mâu thuẫn nhất định giữa thành viên nhóm và những nhóm/cá nhân khác và (3) chiến dịch/phong trào dẫn tới sự kiện đám đông phải đủ cởi mở để nhà nghiên cứu có thể tiếp cận người tham gia của cả hai bên để thực hiện các cuộc phỏng vấn sau sự kiện. Dựa trên ba tiêu chuẩn trên, nghiên cứu của Stott và Drury (2000) lựa chọn sự kiện diễu hành chống thuế khoán ở Quảng trường Trafalgar (Anh) năm 1990 và thu thập được các nguồn dữ liệu bao gồm:

1- Ghi chép thực địa ghi lại trực tiếp mô tả các sự kiện và các bản ghi thu được từ máy ghi âm cầm tay. Ghi chép thực địa còn bao gồm bản ghi các

cuộc hội thoại của những người tham gia cũng như là những câu hô khẩu hiệu hay tiếng hò hét.

2- Dữ liệu ghi hình thu được từ nhiều nguồn: 52 giờ ghi hình trực tiếp, đoạn băng thu được từ chương trình The Battle of Trafalgar trên Kênh 4; đoạn băng thu được từ tổ chức theo chủ nghĩa vô chính phủ có tên We've Got the Power.

3- Bản gỡ băng của 14 cuộc phỏng vấn người tham gia sau khi sự kiện đã diễn ra một thời gian. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện là phỏng vấn bán cấu trúc với cá nhân, nhóm 3 người hoặc nhóm 6 người.

4- Bản gỡ băng của 21 người tham gia sau khi sự kiện diễn ra được vài tuần được ghi lại bởi Công ty Truyền hình (Despite TV) và được nhà nghiên cứu tiếp cận thông qua một nhóm biện hộ chính thức được thành lập sau cuộc biểu tình (Trafalgar Square Defendants Campaign).

5- Lời khai của ba tù nhân đang chịu án phạt giam vì gây rối trong sự kiện.

6- Nguồn tin từ phía cảnh sát.

Từ dữ liệu thu được, nhóm tác giả tiến hành phân tích sự kiện. Đầu tiên, nhóm tác giả đối chiếu và đồng nhất nguồn thông tin thu được từ các nguồn khác nhau cũng như là thông tin thu được từ cùng một nguồn. Nếu có những mâu thuẫn trong việc cung cấp thông tin giữa các nguồn hay những thông tin chỉ xuất hiện ở một nguồn tin duy nhất thì nguồn tin này sẽ được trích dẫn cụ thể. Quá trình này nhằm phục vụ việc chỉ ra các mô thức hành vi cần được giải thích trong quá trình phân tích. Sau đó, các tác giả sử dụng phương pháp phân tích chủ đề nhằm xem xét nhận thức của người tham gia trong mối liên hệ với những chứng cứ đã được đồng nhất trước đó về sự kiện. Các dữ liệu được sắp xếp và phân tích nhằm chỉ ra cách mà người tham gia cảm nhận định về bản thân họ và thế giới xung quanh ở những khoảng thời gian khác nhau khi sự kiện diễn ra; bản sắc của một tập thể trong trường hợp này được định nghĩa thế nào, ai được tính là người trong nhóm và ai được xem là người ngoài nhóm và hành động nào được cho là phù hợp.

Phương pháp nghiên cứu phân tích sự kiện thường đi sâu vào phân tích các dữ liệu hồi cố nhằm lý giải sự hình thành và phát triển của hành vi đám đông. Tuy nhiên, phương pháp này không cho thấy hiệu quả trong việc dự đoán hành động tập thể trong tương lai của cá nhân. Bởi vậy, các nhà nghiên cứu hành động tập thể thường thực hiện các nghiên cứu dự đoán bằng các phương pháp như là điều tra bằng bảng hỏi hay phương pháp thực nghiệm.

góp phần dự báo hành động tập thể (Reicher, 1996; Stott và Drury, 2000) và ngược lại, hành động tập thể có thể đưa ra những lý giải cho hành vi đám đông (Becker và cộng sự, 2011; Klandermans, 1984; Thomas và cộng sự, 2009). Bởi vậy, nếu chỉ sử dụng một loại phương pháp nghiên cứu đặc thù cho từng loại hành vi sẽ mắc phải nhiều hạn chế trong việc lý giải các hành vi đám đông trong quá khứ cũng như dự đoán các hành động tập thể có thể xảy ra trong tương lai. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tổng hợp một số phương pháp đã được sử dụng để đo lường hành vi đám đông và hành động tập thể góp phần vào việc triển khai một cách toàn diện các nghiên cứu về đám đông trong tương lai tại Việt Nam.

4. Các phương pháp nghiên cứu đám đông, hành động tập thể

Từ các tài liệu thứ cấp được phân tích, đánh giá ở trên, đặc biệt là bốn bài báo liên quan trực tiếp tới lý thuyết bản sắc xã hội về hành vi đám đông và hành động tập thể (Van Zomeren, Postmes và Spears, 2008; Thomas, McGarty và Mavor, 2009; Louis và cộng sự, 2016; La Macchia và Louis, 2016), nhóm nghiên cứu phân loại và chia phương pháp nghiên cứu hành vi đám đông và hành động tập thể áp dụng lý thuyết bản sắc xã hội thành ba nhóm chính: (1) Các nghiên cứu phân tích sự kiện và diễn dã dân tộc học; (2) Các nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi tự báo cáo và (3) Các nghiên cứu thực nghiệm.

4.1. Phương pháp phân tích sự kiện và diễn dã dân tộc học

Nghiên cứu diễn dã dân tộc học được xem như là phương thức nghiên cứu quan sát các sự kiện có đám đông lý tưởng bởi tính dễ thích nghi với những thay đổi của đối tượng nghiên cứu cũng như là khả năng thu thập một lượng thông tin đa dạng (Burgess, 1982; Green, 1993; Hammersley và Atkinson, 1983; Whyte, 1984 - dẫn theo Stott và Drury, 2000) bao gồm băng ghi âm, tài liệu và các cuộc phỏng vấn trước và sau sự kiện. Stott và Drury (2000) đã chỉ ra ba tiêu chuẩn lựa chọn một sự kiện đám đông để nghiên cứu về các quá trình phân loại xã hội: (1) nhà nghiên cứu có thể tham gia sự kiện với tư cách là một thành viên của đám đông để có thể thu thập một lượng lớn dữ liệu; (2) sự kiện phải có một mâu thuẫn nhất định giữa thành viên nhóm và những nhóm/cá nhân khác và (3) chiến dịch/phong trào dẫn tới sự kiện đám đông phải đủ cởi mở để nhà nghiên cứu có thể tiếp cận người tham gia của cả hai bên để thực hiện các cuộc phỏng vấn sau sự kiện. Dựa trên ba tiêu chuẩn trên, nghiên cứu của Stott và Drury (2000) lựa chọn sự kiện diễu hành chống thuế khoán ở Quảng trường Trafalgar (Anh) năm 1990 và thu thập được các nguồn dữ liệu bao gồm:

1- Ghi chép thực địa ghi lại trực tiếp mô tả các sự kiện và các bản ghi thu được từ máy ghi âm cầm tay. Ghi chép thực địa còn bao gồm bản ghi các

cuộc hội thoại của những người tham gia cũng như là những câu hỏi khẩu hiệu hay tiếng hò hét.

2- Dữ liệu ghi hình thu được từ nhiều nguồn: 52 giờ ghi hình trực tiếp, đoạn băng thu được từ chương trình The Battle of Trafalgar trên Kênh 4; đoạn băng thu được từ tổ chức theo chủ nghĩa vô chính phủ có tên We've Got the Power.

3- Bản gỡ băng của 14 cuộc phỏng vấn người tham gia sau khi sự kiện đã diễn ra một thời gian. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện là phỏng vấn bán cấu trúc với cá nhân, nhóm 3 người hoặc nhóm 6 người.

4- Bản gỡ băng của 21 người tham gia sau khi sự kiện diễn ra được vài tuần được ghi lại bởi Công ty Truyền hình (Despite TV) và được nhà nghiên cứu tiếp cận thông qua một nhóm biện hộ chính thức được thành lập sau cuộc biểu tình (Trafalgar Square Defendants Campaign).

5- Lời khai của ba tù nhân đang chịu án phạt giam vì gây rối trong sự kiện.

6- Nguồn tin từ phía cảnh sát.

Từ dữ liệu thu được, nhóm tác giả tiến hành phân tích sự kiện. Đầu tiên, nhóm tác giả đối chiếu và đồng nhất nguồn thông tin thu được từ các nguồn khác nhau cũng như là thông tin thu được từ cùng một nguồn. Nếu có những mâu thuẫn trong việc cung cấp thông tin giữa các nguồn hay những thông tin chỉ xuất hiện ở một nguồn tin duy nhất thì nguồn tin này sẽ được trích dẫn cụ thể. Quá trình này nhằm phục vụ việc chỉ ra các mô thức hành vi cần được giải thích trong quá trình phân tích. Sau đó, các tác giả sử dụng phương pháp phân tích chủ đề nhằm xem xét nhận thức của người tham gia trong mối liên hệ với những chứng cứ đã được đồng nhất trước đó về sự kiện. Các dữ liệu được sắp xếp và phân tích nhằm chỉ ra cách mà người tham gia dám đồng nhận định về bản thân họ và thế giới xung quanh ở những khoảng thời gian khác nhau khi sự kiện diễn ra; bản sắc của một tập thể trong trường hợp này được định nghĩa thế nào, ai được tính là người trong nhóm và ai được xem là người ngoài nhóm và hành động nào được cho là phù hợp.

Phương pháp nghiên cứu phân tích sự kiện thường đi sâu vào phân tích các dữ liệu hồi cố nhằm lý giải sự hình thành và phát triển của hành vi dám đồng. Tuy nhiên, phương pháp này không cho thấy hiệu quả trong việc dự đoán hành động tập thể trong tương lai của cá nhân. Bởi vậy, các nhà nghiên cứu hành động tập thể thường thực hiện các nghiên cứu dự đoán bằng các phương pháp như là điều tra bằng bảng hỏi hay phương pháp thực nghiệm.

4.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi tự báo cáo

Chủ yếu các nghiên cứu hành động tập thể sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi với các câu hỏi liên quan tới hành động tập thể trong quá khứ hay ý định thực hiện hành động trong tương lai của khách thể cùng một số biến số dự đoán liên quan trong một sự kiện đám đông cụ thể hoặc là có liên quan tới một phong trào xã hội xác định hay nghiên cứu được tiến hành trước và sau một sự kiện đám đông.

a/ Nghiên cứu được tiến hành trước hoặc sau một sự kiện đám đông

Nghiên cứu được tiến hành trước hoặc sau một sự kiện thường đo lường được bản sắc, sự hiệu quả nhóm, đạo đức, thái độ hay ý định thực hiện hành vi của cá nhân đối với một phong trào xã hội hay một chiến dịch cụ thể. Trong khi các nghiên cứu lát cắt ngang gặp phải những hạn chế nhất định trong xem xét mối quan hệ nhân quả giữa các biến thì các nghiên cứu trường diễn phân nào có thể khắc phục hạn chế này.

Nghiên cứu của Van Zomeren, Postmes và Spears (2012) (Nghiên cứu 1) điều tra khảo sát trên 90 khách thể Hà Lan trong bối cảnh của một cuộc biểu tình của hội/liên đoàn sinh viên chống lại đề xuất tăng học phí ở Hà Lan. Bảng hỏi được giới thiệu như là nghiên cứu kết hợp giữa liên đoàn sinh viên và một trường đại học ở Hà Lan đo lường các biến số đạo đức tuyệt đối, sự tức giận ở cấp độ nhóm, hiệu quả nhóm, bản sắc nhóm (không được) chính trị hóa và ý định hành động tập thể. Ngoài ra, người tham gia còn được hỏi thêm thông tin liên quan tới những thiệt thòi của tập thể, cũng như là giới thiệu về mục đích của nghiên cứu nhằm khảo sát ý kiến của sinh viên về việc tăng học phí. Các biến số đều được trả lời trên thang Likert 7 cấp độ (từ 1 = hoàn toàn không đến 7 = hoàn toàn có). Cụ thể:

+ *Đạo đức tuyệt đối* được đo lường thông qua 6 câu hỏi gắn liền với lập trường vững chắc và tuyệt đối đối với vấn đề đạo đức, bao gồm: “Ý kiến của tôi về việc tăng học phí rất quan trọng với tôi”, “Ý kiến của tôi về việc tăng học phí là một phần quan trọng gắn liền với chuẩn mực và giá trị đạo đức của tôi”, “Tôi tin rằng ý kiến của tôi về việc tăng học phí gắn chặt với đạo đức của tôi”, “Ý kiến của tôi về việc tăng học phí là một giá trị đạo đức phổ quát nên được áp dụng rộng khắp”, “Chỉ có một lập trường chân thực duy nhất về vấn đề này và đó là lập trường của tôi” và “Ý kiến của tôi về việc tăng học phí phản ánh một phần quan trọng về con người tôi”.

+ *Bản sắc xã hội được chính trị hóa* được đo lường bằng 4 câu hỏi: “Tôi đồng nhất với các thành viên của liên hiệp sinh viên”, “Tôi thấy mình như là

thành viên của liên hiệp sinh viên”, “Tôi cảm thấy mình gắn kết mạnh mẽ với liên hiệp sinh viên” và “Tôi tự hào về liên hiệp sinh viên”.

+ *Bản sắc xã hội không được chính trị hóa* được đo lường bằng 4 câu hỏi: “Tôi thấy mình như là một sinh viên”, “Tôi đồng nhất với các sinh viên khác”, “Tôi cảm thấy gắn kết mạnh mẽ với các nhóm sinh viên” và “Tôi tự hào về các sinh viên như là một nhóm”.

+ *Hiệu quả nhóm* được đo lường bằng 4 câu hỏi: “Như là một học sinh, tôi nghĩ chúng ta có thể thay đổi kế hoạch tăng học phí”, “Như là một học sinh, tôi nghĩ chúng ta có thể tác động tới tình huống này”, “Tôi tin rằng, như là một học sinh, chúng ta có thể cùng nhau thay đổi tình huống này” và “Tôi tin rằng, như là một học sinh, ta có thể cùng nhau dẫn tới thành công trong việc bảo vệ quyền lợi của mình”.

+ *Xu hướng hành động tập thể* được đo lường bằng 4 câu hỏi: “Tôi sẽ tham gia buổi diễn hành chống lại việc tăng học phí”, “Tôi sẽ ký vào đơn kháng nghị chống lại vấn đề này”, “Tôi muốn cùng nhau làm gì đó để chống lại vấn đề này” và “Tôi muốn làm gì đó để chống lại kế hoạch này”

Nghiên cứu trường điển của De Weerd và Klandermans (1999) trên 168 nông dân Hà Lan về mối quan hệ giữa sự đồng nhất nhóm (trên hai phương diện cảm xúc và hành vi) và sự tham gia biểu tình cho thấy, việc đo lường ý định tham gia các buổi tuần hành và bao vây/chặn đường có khả năng dự đoán sự tham gia của các cá nhân vào các cuộc biểu tình chính trị hai năm sau đó. Trong khoảng thời gian thực hiện nghiên cứu kéo dài 2 năm, một số tiêu chuẩn đánh giá nông nghiệp đã được đề ra bởi Chính phủ và Liên minh châu Âu, nghiên cứu này được thiết kế nhằm xem xét phản ứng của những người nông dân với các tiêu chuẩn mới. Cụ thể, đo lường sự tham gia biểu tình được đánh giá theo hai cách như sau. Thứ nhất, nhóm tác giả đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia bốn biểu hiện của hành động tập thể mà những người nông dân thường nghĩ đến ở thời điểm khảo sát, bao gồm: (1) tuần hành (demonstrations), (2) bao vây/chặn đường (blockades), (3) các hành động mang tính biểu trưng (như là đổ phân trước cửa Bộ Nông nghiệp) và (4) từ chối nộp/dóng thuế. Ứng với mỗi biểu hiện, người trả lời phỏng vấn được hỏi về mức độ sẵn sàng tham gia của họ nếu họ hoàn toàn không đồng ý với cách đánh giá tiêu chuẩn nông nghiệp hay các chính sách nông nghiệp nói chung, trong đó mức độ sẵn sàng tham gia được đánh giá trên thang Likert 5 mức độ. Thứ hai, nhóm tác giả còn đặt ra câu hỏi lựa chọn Có/Không về việc nhóm khách thể có tham gia bất kỳ hành động tập thể nào phản đối các chính sách/tiêu chuẩn nông nghiệp nào trong năm vừa qua không nhằm đo lường sự tham gia vào hành động tập thể.

b/ Nghiên cứu được tiến hành trong một sự kiện đám đông

Một thiết kế nghiên cứu đặc biệt khác trong điều tra bằng bảng hỏi là điều tra trực tiếp tại nơi diễn ra sự kiện đám đông. Thiết kế nghiên cứu dạng này gặp một số khó khăn trong việc thu thập khách thể và lượng thời gian khách thể có thể sẵn sàng trả lời bảng hỏi cũng ít hơn so với nghiên cứu trước và sau sự kiện đám đông. Tuy nhiên, những nghiên cứu này thường có độ tin cậy cao đối với các biến số cảm xúc và các biến số tình huống (nhận thức về sự an toàn, nhận thức về sự đông đúc) bởi đây là những biến số mang tính nhất thời mà cá nhân trải nghiệm trong lúc sự kiện diễn ra, khó có thể nhớ lại một cách chính xác. Ngoài ra, nhà nghiên cứu hay người điều tra có quan sát và ghi nhận một số biến số khách quan khác có ảnh hưởng tới cảm xúc, thái độ của cá nhân cũng như là hành vi đám đông thực tế mà cá nhân đang thực hiện.

Alnabulsi và Drury (2014) xem xét tác động của sự đồng nhất xã hội tới mối quan hệ giữa mật độ đám đông và cảm giác an toàn trong đám đông của những cuộc hành hương tới Thánh địa Mecca (hay còn gọi là Haji) năm 2012. Nghiên cứu khảo sát 1.194 người hành hương lựa chọn Thánh đường Hồi giáo (Holy Mosque, Mecca) làm địa điểm điều tra bởi địa điểm này có mật độ đám đông ở mức cao (khoảng 5 người/m²), nơi có nhiều khả năng dẫn tới những tai nạn liên quan tới đám đông như là chen lấn, xô đẩy hay là giẫm đạp lên nhau. Tại địa điểm khảo sát, nghiên cứu được tiến hành trong ba đợt diễn ra nghi lễ Haji mà ở thời điểm quan sát được cho là có mật độ đám đông ở mức báo động. Mười hai trợ lý nghiên cứu đã được huấn luyện khảo sát các biến số như là cảm giác về sự an toàn, sự đồng nhất xã hội và khả năng kiểm soát tình huống thông qua bảng hỏi tự báo cáo. Trong đó, nhóm nghiên cứu quan tâm xem xét sự đồng nhất xã hội bằng ba yếu tố: (1) sự đồng nhất với tín đồ theo đạo Hồi; (2) sự đồng nhất với đám đông và (3) nhận thức những thành viên đám đông khác nhìn nhận họ như là người Hồi giáo. Trước khi người tham gia cung cấp bất kỳ thông tin nào, các trợ lý nghiên cứu sẽ có nhiệm vụ đo lường mật độ đám đông bằng việc ước tính số người đang đứng trên một đơn vị diện tích (m²) xung quanh địa điểm họ đang đứng (Alnabulsi và Drury, 2014).

Như đã nêu, chủ yếu các nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi theo lát cắt ngang sử dụng phương pháp phân tích tương quan dẫn tới việc khó có thể xác định mối quan hệ nhân quả giữa các biến số dự đoán với hành động tập thể. Chẳng hạn, các kết quả cũng có thể lý giải được rằng hành động tập thể là yếu tố dẫn tới sự thay đổi của các biến số dự đoán (bản sắc hay sự hiệu quả) (Klandermans và cộng sự, 2002; Reicher, 1996 - dẫn theo Van Zomeren và cộng sự, 2008). Thay vào đó, một số nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên

cứu thực nghiệm hoặc phương pháp điều tra trường diễn có khả năng xem xét mối quan hệ nhân quả giữa các biến số dự đoán với hành động tập thể.

4.3. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm

Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm là phương pháp có khả năng xem xét mối quan hệ nhân quả giữa các biến số bằng việc kiểm soát các biến số độc lập (hay biến số dự đoán) và xem xét sự thay đổi của biến số phụ thuộc (trong trường hợp này là hành vi dám đông hay hành động tập thể).

Nghiên cứu của Becker, Tausch và Wagner (2011) xem xét hệ quả cảm xúc và hành vi của việc tham gia vào hoạt động tập thể. Lấy bối cảnh sinh viên biểu tình chống lại đề xuất thu học phí của Bang Hessen (Đức) năm 2006 bởi phe Bảo thủ. Mặc dù đề xuất này đã bị bác bỏ vào năm 2008 khi phe này hết nhiệm kỳ, tuy nhiên việc tái thực hiện đề xuất vẫn có thể xảy ra vào năm sau, khi phe bảo thủ giành được quyền lực. Ở thời điểm thực hiện nghiên cứu, nhóm tác giả đã giả định tình huống về khả năng mà Chính phủ sẽ tái đề xuất thực hiện việc thu học phí và cho các khách thể tham gia nghiên cứu cơ hội thực hiện hành vi tập thể chống lại Chính phủ. Sau khi thực hiện hành động, nhóm tác giả đo lường cảm xúc của mình và với nhóm bên ngoài của các khách thể. Trong một nghiên cứu, nhóm tác giả đối chiếu cảm xúc của cá nhân và ý định thực hiện các hành động tập thể trong tương lai ở nhóm đã thực hiện hành động và nhóm không thực hiện hành động tập thể.

Thiết kế của Nghiên cứu 1 (Becker, Tausch và Wagner, 2011) dạng 2 x 2 (2 lựa chọn - tham gia vào hành động tập thể: có/không x 2 điều kiện - thứ tự đo lường cảm xúc: đo lường cảm xúc cá nhân trước, cảm xúc với nhóm bên ngoài sau và ngược lại). Trước hết, nghiên cứu này được giới thiệu như là một dự án của một nhóm học sinh viết bài luận của mình về chủ đề thu học phí và nhóm học sinh này muốn liên kết dự án của họ với một cuộc biểu tình chống lại việc thu học phí. Sau khi trả lời một số biến nhân khẩu, người tham gia sẽ đọc một đoạn văn về chính sách cắt giảm nguồn nhân lực ở các trường đại học tại Bang Hessen và gợi mở về việc Chính phủ sẽ tái đề xuất việc thu học phí trong thời gian tới. Người tham gia được hỏi về việc họ đã nghe tới chính sách cắt giảm nguồn nhân lực chưa, họ có nghĩ rằng chính sách này có thể là tiền đề cho việc tái đề xuất chính sách thu học phí hay không và thái độ của khách thể với việc thu học phí. Nhóm người được chọn tham gia vào hành động tập thể chống lại Chính phủ được báo rằng một chiến dịch quy mô lớn chống lại Chính phủ đang được diễn ra nhằm chống lại việc tái đề xuất việc thu học phí và mục đích của chiến dịch là thu thập càng nhiều luận điểm chống lại việc thu học phí càng tốt để gửi trực tiếp cho Chính phủ. Sau đó, nhóm này được yêu cầu đọc và hoàn thành một đoạn văn biểu tình bằng cách liệt kê các luận điểm chống lại

việc thu học phí và được nhắc lại rằng những luận điểm này sẽ được gửi cho Chính phủ. Sau cùng, tất cả khách thể hoàn thành một số chỉ báo đo lường khác như là cảm xúc của cá nhân, cảm xúc với nhóm bên ngoài, sự đồng nhất với học sinh, sự đồng nhất với chiến dịch chống lại việc đề xuất thu học phí và nhận thức về sự tự hiệu quả của nhóm và ý định thực hiện hành vi tập thể trong tương lai của khách thể. Trong đó, ý định thực hiện hành vi tập thể được đo lường bằng việc yêu cầu khách thể chỉ ra mức độ sẵn sàng tham gia những hành động nhất định trong trường hợp kế hoạch tái đề xuất việc thu học phí sẽ diễn ra trên thang Likert 7 mức độ, với những hành động bao gồm: tham gia cuộc họp thảo luận; tham gia các phiên họp toàn thể; viết tờ rơi; ký tên vào đơn kiến nghị chống lại hành động vi hiến (thu học phí); tham gia các vở kịch đường phố chống lại các vấn đề xã hội và chính trị và điều hành (Becker, Tausch và Wagner, 2011).

5. Kết luận

Nhìn chung, có thể thấy rằng, trong khi các nghiên cứu hành vi đám đông quan tâm nghiên cứu những hành vi nhất định trong một sự kiện cụ thể thì các nghiên cứu hành động tập thể quan tâm tới hành động thực hiện trong các phong trào xã hội diễn ra trong khoảng thời gian dài. Tuy nhiên, cả hai hiện tượng đám đông này đều có thể được giải thích bằng học thuyết và các mô hình bản sắc xã hội, gợi mở về sự giao thoa trong nghiên cứu giữa hai loại hiện tượng này. Các phương pháp nghiên cứu đám đông thường được sử dụng phổ biến nhất bao gồm: (1) Nghiên cứu phân tích sự kiện và diễn đã dân tộc học; (2) Nghiên cứu điều tra bằng bảng hỏi và (3) Nghiên cứu thực nghiệm. Trong đó, phương pháp phân tích sự kiện là phương pháp nghiên cứu đặc trưng khi tìm hiểu hành vi đám đông, quan tâm tới việc lý giải các quá trình, diễn biến xảy ra trong một sự kiện đám đông. Hai phương pháp nghiên cứu còn lại đại diện cho hướng nghiên cứu hành động tập thể khi quan tâm tới khả năng dự đoán hành động tập thể trong tương lai thông qua việc xem xét hay kiểm soát các biến số có khả năng dự đoán hành động.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Vũ Thế Công (2013). *Tội phạm gây rối trật tự công cộng: Thực trạng và công tác đấu tranh phòng ngừa gây rối trật tự công cộng, góp phần giữ vững an ninh trật tự*. NXB Công an Nhân dân. Hà Nội.
2. Đỗ Long (2004a). *Tâm lý đám đông gây rối và tự ý thức dân tộc*. Tạp chí Tâm lý học. Số 10. Tr. 1 - 3.

3. Đỗ Long (2004b). *Tâm lý đám đông gây rối và tự ý thức dân tộc*. Tạp chí Tâm lý học. Số 11. Tr. 15 - 18.
4. Vũ Trung Quý (2003). *Đặc điểm tâm lý của đám đông gây rối và một số giải pháp phòng ngừa, giải quyết*. Tạp chí Tâm lý học. Số 4. Tr. 53 - 56.
5. Vũ Trung Quý (2007). *Bàn về khái niệm đám đông gây rối an ninh*. Tạp chí Tâm lý học. Số 1. Tr. 21 - 26.
6. Vũ Trung Quý (2010). *Đặc điểm tâm lý của đám đông gây rối an ninh trật tự vùng đồng bằng Bắc Bộ và biện pháp tâm lý giải quyết đám đông nổi trên*. NXB An ninh nhân dân. Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

7. Alnabulsi H. & Drury J. (2014). *Social identification moderates the effect of crowd density on safety at the Hajj*. Proceedings of the National Academy of Sciences. Vol. 111 (25). P. 9.091 - 9.096.
8. Becker J.C., Tausch N. & Wagner U. (2011). *Emotional consequences of collective action participation: Differentiating self-directed and outgroup-directed emotions*. Personality and Social Psychology Bulletin. Vol. 37 (12). P. 1.587 - 1.598. DOI: 10.1177/0146167211414145.
9. Blackwood L.M. & Louis W.R. (2012). *If it matters for the group then it matters to me: Collective action outcomes for seasoned activists*. British Journal of Social Psychology. P. 72 - 92. DOI: 10.1111/j.2044-8309.2010.02001.x.
10. De Weerd M. & Klandermans B. (1999). *Group identification and political protest: Farmers' protest in the Netherlands*. European Journal of Social Psychology. Vol. 29 (8). P. 1.073 - 1.095.
11. Dolata U. & Schrape J.F. (2016). *Masses, crowds, communities, movements: Collective action in the internet age*. Social Movement Studies. Vol. 15 (1). P. 1 - 18.
12. Drury J. & Reicher S. (2000). *Collective action and psychological change: The emergence of new social identities*. British Journal of Social Psychology. Vol. 39. P. 579 - 604. DOI: 10.1348/014466600164642.
13. Klandermans B. (1984). *Mobilization and participation: Social-psychological expansions of resource mobilization theory*. American Sociological Review. Vol. 49 (5). P. 583 - 600. DOI: 10.2307/2095417.
14. La Macchia S.T. & Louis W.R. (2016). *Crowd behaviour and collective action*. In Understanding Peace and Conflict Through Social Identity Theory. P. 89 - 104. Springer. Cham.
15. Le Bon G. (1895). *Psychologie des foules*. Psychology of crowds. English modern edition 2009. Sparkling Books.
16. Louis W.R. (2009). *Collective action - and then what?* Journal of Social Issues. Vol. 65 (4). P. 727 - 748. DOI: 10.1111/j.1540-4560.2009.01623.x.

17. Louis W.R., La Macchia S.T., Amiot C.E., Thomas E.F., Blackwood L.M., Mavor K.I., et al. (2016). *Causality in the study of collective action and political behaviour*. In F.M. Moghaddam & R. Harré (Eds.). *Questioning causality: Scientific explorations of cause and consequence across social contexts*. Santa Barbara, CA: Praeger. P. 278 - 294.
18. McCarthy J.D. & Zald M.N. (1977). *Resource mobilization and social movements: A partial theory*. *American Journal of Sociology*. Vol. 82 (6). P. 1.212 - 1.241. DOI: 10.2307/2777934.
19. McDougall W. (1920). *The group mind: A sketch of the principles of collective psychology with some attempt to apply them to the interpretation of national life and character*. Oxford, England: Putnam.
20. Reicher S.D. (1984a). *Social influence in the crowd: Attitudinal and behavioural effects of deindividuation in conditions of high and low group salience*. *British Journal of Social Psychology*. Vol. 23 (4). P. 341 - 350. DOI:10.1111/j.2044-8309.1984.tb00650.x.
21. Reicher S.D. (1984b). *The St. Pauls' riot: An explanation of the limits of crowd action in terms of a social identity model*. *European Journal of Social Psychology*. Vol. 14 (1). P. 1 - 21. DOI: 10.1002/ejsp.2420140102.
22. Reicher S.D. (1996). *The Battle of Westminster: Developing the social identity model of crowd behaviour in order to explain the initiation and development of collective conflict*. *European Journal of Social Psychology*. Vol. 26 (1). P. 115 - 134. DOI: 10.1002/(SICI)1099-0992(199601)26:1<115::AID-EJSP740>3.0.CO;2-Z.
23. Reicher S.D. (2000). *Crowd behavior*. *Encyclopedia of Psychology*. Vol. 2. P. 374 - 377. New York: Oxford University Press.
24. Simon B. & Klandermans B. (2001). *Politicized collective identity: A social psychological analysis*. *American Psychologist*. Vol. 56 (4). P. 319 - 331. DOI: 10.1037/0003-066X.56.4.319.
25. Stott C. & Drury J. (2000). *Crowds, context and identity: Dynamic categorization processes in the "poll tax riot"*. *Human Relations*. Vol. 53 (2). P. 247 - 273.
26. Tajfel H. (1974). *Intergroup behaviour, social comparison and social change*. Unpublished Katz-Newmb lectures. University of Michigan. Ann Arbor.
27. Tajfel H. (1978). *Differentiation between social groups: Studies in the social psychology of intergroup relations*. London: Academic Press.
28. Tajfel H. & Turner J.C. (1979). *An integrative theory of intergroup conflict*. In S. Worchel & W.G. Austin (Eds.). *The social psychology of intergroup relations*. P. 33 - 47. Chicago. Nelson-Hall.
29. Thomas E.F., McGarty C. & Mavor K.I. (2009). *Aligning identities, emotions, and beliefs to create commitment to sustainable social and political action*. *Personality and Social Psychology Review*. Vol. 13 (3). P. 194 - 218. DOI: 10.1177/1088868309341563.

30. Turner J.C. (1985). *Social categorization and the self-concept: A social cognitive theory of group behavior*. In E. Lawler (Ed.). *Advances in Group Processes*. P. 77 - 121. Greenwich, CT: JAI Press.
31. Turner J.C., Hogg M.A., Oakes P.J., Reicher S.D. & Wetherell M.S. (1987). *Rediscovering the social group: A self-categorization theory*. Oxford, England: Blackwell.
32. Van Zomeren M., Postmes T. & Spears R. (2008). *Toward an integrative social identity model of collective action: A quantitative research synthesis of three socio-psychological perspectives*. *Psychological Bulletin*. Vol. 134 (4). P. 504 - 535. DOI: 10.1037/0033-2909.134.4.504.
33. Van Zomeren M., Postmes T. & Spears R. (2012). *On conviction's collective consequences: Integrating moral conviction with the social identity model of collective action*. *British Journal of Social Psychology*. Vol. 51 (1). P. 52 - 71.